

Bản án số: **130/2022/HS-ST**  
Ngày 28/12/2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG - TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:** Ông Lê Tuấn Linh

**- Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Nguyễn Văn Quang

2. Ông Phạm Văn Vượng

**- Thư ký phiên toà:** Ông Vũ Đức Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Thành Long - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 130/2022/TLST-HS, ngày 23 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2022 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Văn P**, sinh ngày 16/10/2000 tại huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: Thôn B, xã S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Sán đìu; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn G, sinh năm 1976 và bà: Trần Thị X, sinh năm 1979; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không;

Tiền án: Ngày 10/7/2020, Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Ngày 07/10/2020 nộp xong tiền án phí 200.000 đồng; Ngày 25/01/2022 chấp hành xong hình phạt tù. Bản án số 32/2020/HS-ST.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/6/2022 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang (Có mặt).

**2. Lê Thị Thủy T**, (tên gọi khác: T1), sinh ngày 13/01/2003 tại huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Xóm 8, xã H, huyện A, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông (Không xác định) và bà: Lê Thị H1, sinh năm 1979; Chồng, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/7/2022 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang (Có mặt).

**3. Nguyễn Văn G1**, sinh ngày 21/5/2007 tại huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi cư trú: Thôn B1, xã Q, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn G2, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1971; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

**4. Nguyễn Văn M**, sinh ngày 05/7/2002 tại huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Y, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn Q1, sinh năm 1976 và bà: Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1976; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/7/2022 đến ngày 04/11/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

**5. Vũ Thị Thanh N**, sinh ngày 07/10/2004 tại huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi cư trú: Thôn B1, xã B2, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vũ Quốc H2, sinh năm 1981 và bà: Thăng Thị H3, sinh năm 1985; Chồng, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

**\* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn G1:** Bà Nguyễn Kim Tuyền - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tuyên Quang (Có mặt).

**\* Người bào chữa cho bị cáo Vũ Thị Thanh N:** Bà Nguyễn Thị Nguyệt - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tuyên Quang (Có mặt).

**\* Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Văn G1:** Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Thôn B1, xã Q, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc (Có mặt);

**\* Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Vũ Thị Thanh N:** Bà Thăng Thị H3, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Thôn B1, xã B2, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc (Có mặt).

**\* Người bị hại:** 1. Chị Lý Thị T2, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Thôn N1, xã S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (Có mặt);

2. Anh Vũ Văn T3, sinh năm 1999; Nơi cư trú: Tổ dân phố L, thị trấn Đ2, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc (Có mặt);

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Anh Trần Hữu Q1, sinh năm 2008; Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Hữu T4, sinh năm 1981; Cùng địa chỉ: Thôn B1, xã Q, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

2. Anh Nguyễn Quang M1, sinh năm 2008; Người đại diện hợp pháp: Bà Đỗ Thị H4, sinh năm 1983; Cùng địa chỉ: Thôn C, xã S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

3. Anh Đỗ Văn N2, sinh năm 2008; Người đại diện hợp pháp: Ông Đỗ Văn C1, sinh năm 1985; Cùng địa chỉ: Thôn Đ3, xã S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 25/6/2022, Lý Thị T2 gọi điện thoại cho Nguyễn Văn P để nhờ P vay hộ tiền (P và T2 trước đó đã có quan hệ tình cảm với nhau). P hỏi T2 đang ở đâu thì T2 nói đang ở vòng xuyên thuộc xã Đ, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. P bảo T2 đứng chờ để P xuống đón; sau đó P cùng với Nguyễn Văn G1; Trần Hữu Q1; Nguyễn Quang M1; Đỗ Văn N2; Lê Thị Thủy T (là bạn của P lên xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương chơi với P) và Nguyễn Văn M, cả nhóm đi bằng 02 xe mô tô (Quá trình điều tra không T2 giữ được xe, không xác định được biển số và chủ sở hữu) đến đón T2. Khi đón được T2, nhóm của P đưa T2 về nhà P ở thôn B, xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương. Tại nhà P lúc này có Vũ Đức T5, sinh năm 2002, trú tại thôn A, xã V, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc và Vũ Thị Thanh N, thì P nói với T1 là bảo T2 đi làm nhân viên quán hát cho P, nhưng T2 không đồng ý nên đã xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau. T1 và N đã dùng dép đập vào mặt và túm tóc đánh T2. Sau đó T1 bảo G1, Q1, M1 và N2 vào trong nhà kéo T2 ra sân trước nhà P, thì T2 tự đứng dậy đi ra sân, khi ra đến sân T2 tiếp tục bị T1 chửi bới, túm tóc đánh nhiều nhát vào mặt, còn N dùng mũ cối (lấy ở hiên nhà P) đập vào đầu T2. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, có người dân xung quanh nhìn thấy, sợ bị báo Công an nên P bảo cả nhóm đưa T2 xuống cầu Yên Dương thuộc địa phận thôn Tân Lập, xã Hợp Lý, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, cả nhóm đi bằng 03 xe mô tô (có thêm 01 xe mô tô do T5 điều khiển chở T2). Khi đến cầu Yên Dương, thì P dùng thắt lưng vạt vào lưng T2, còn T1 và Q1 cầm ống kim loại đập vào lưng và vai của T2 làm T2 bị ngất. Khoảng 05 phút sau T2 tỉnh dậy, đồng thời lúc này T2 nhìn thấy 01 xe mô tô đi qua đường (không xác định được biển số và người điều khiển), T2 đứng dậy chạy theo kêu cứu thì bị N và T1 đuổi theo khoảng 30 mét N đuổi kịp túm tóc T2 bắt lại được, cả nhóm đưa T2 xuống bãi soi đầu cầu Yên Dương, P và T1 bắt T2 phải quỳ xuống xin lỗi P. Sau đó P yêu cầu T2 lấy điện thoại gọi cho Vũ Văn T3 (là người yêu của T2) đến cầu Yên Dương, mục đích để P gặp và hỏi T3 vì P cho rằng T3 cùng với T2 đã bán con chung của P và T2. Lúc này do có việc cá nhân nên N và T5 đi về trước, không đi theo nhóm của P nữa (T5 không đánh, không bắt giữ T2). Do có người dân đi đến, sợ bị phát hiện nên cả nhóm của P đưa T2 về nhà ông Nguyễn Văn G1 (bố đẻ của P) trú tại thôn C2, xã Q, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc. Khoảng 23 giờ cùng ngày, thấy T3 gọi điện thoại cho T2, thì P, T1, G1, M, N2, M1 và Q1 đưa T2 quay ra cầu Yên Dương để chờ T3. Khi gặp T3, P hỏi T3 về việc bán con chung của P và T2, nhưng T3 không

thừa nhận thì bị P, T1, G1, Hà, N2, M1 và Q1 dùng tay, chân, thắt lưng, gây đánh T2 và T3, sau đó đưa T3 và T2 quay về nhà ông Nguyễn Văn G1. Tại sân nhà ông G1 cả nhóm của P tiếp tục đánh T3 và T2. P và T1 bảo với G1 lục túi quần của T3 có gì lấy hết ra, G1 lục túi quần của T3 lấy được 50.000 đồng, 01 điện thoại di động Iphone 5, 01 điện thoại đen trắng nhãn hiệu PHILIPS đã qua sử dụng đưa cho P; đồng thời lúc này T2 cũng tự lấy trong túi quần ra 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA 1280 và 30.000 đồng đưa cho P, sau đó P bảo T3 đọc mật khẩu icloud để P sử dụng điện thoại của T3, thì T3 nói không nhớ mật khẩu P đã dùng tay cầm điện thoại ném xuống nền sân làm hỏng điện thoại. Sau đó P đưa điện thoại còn lại cho N2 cầm, nhóm của P tiếp tục đánh T3 bị ngất, ông G1 ra bảo nhóm của P dừng lại và không cho ở sân nhà mình nữa. Sau khi T3 tỉnh lại cả nhóm của P đưa T3 và T2 về nhà của P ở tại thôn B3, xã S, huyện Sơn Dương nhốt vào trong phòng ngủ, cài cửa phòng lại. P bảo G1, Q1, M1 và N2 canh gác không cho T3 và T2 bỏ trốn. Đến khoảng 07 giờ ngày 26/6/2022, Công an xã Sơn Nam phát hiện đã yêu cầu nhóm của P thả T3 và T2 ra, sau đó T3 và T2 được đưa đến điều trị tại Trạm y tế xã S, huyện Sơn Dương.

Tại các Kết luận định giá số 52, 53, 54 cùng ngày 23/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Sơn Dương, kết luận:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5 có giá trị 600.000 đồng.
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu PHILIPS có giá trị: 50.000 đồng.
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA có giá trị: 50.000 đồng.
- 02 sim mạng Viettel có giá trị: 100.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 128/CT-VKSSD, ngày 21/11/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương truy tố: Nguyễn Văn P và Lê Thị Thủy T về tội Bắt, giữ người trái pháp luật theo điểm đ, khoản 2 Điều 157 và tội Cướp tài sản theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự; truy tố Nguyễn Văn G1 về tội Cướp tài sản theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự; truy tố Nguyễn Văn M về tội Bắt, giữ người trái pháp luật, quy định tại điểm đ, khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự; Truy tố Vũ Thị Thanh N về tội Bắt người trái pháp luật theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Văn P, Lê Thị Thủy T, Nguyễn Văn G1, Nguyễn Văn M và Vũ Thị Thanh N theo tội danh, điều luật đã nêu trong Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn P, Lê Thị Thủy T phạm tội Bắt, giữ người trái pháp luật và Cướp tài sản; Bị cáo Nguyễn Văn G1 phạm tội Cướp tài sản; Bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội Bắt, giữ người trái pháp luật; Bị cáo Vũ Thị Thanh N phạm tội Bắt người trái pháp luật.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 157; khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật hình sự;

1. Xử phạt: Nguyễn Văn P từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội Bắt, giữ người trái pháp luật; từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội Cướp tài sản. Tổng hợp hình phạt cho cả hai tội từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 27/6/2022.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 157; khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật hình sự;

2. Xử phạt: Lê Thị Thủy T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội Bắt giữ người trái pháp luật; từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội Cướp tài sản. Tổng hợp hình phạt cho cả hai tội từ 05 năm đến 06 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 01/7/2022.

- Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự;

3. Xử phạt: Nguyễn Văn G1 từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/12/2022.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 58 Bộ luật hình sự;

4. Xử phạt: Nguyễn Văn M từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/12/2022.

- Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự;

5. Xử phạt: Vũ Thị Thanh N từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/12/2022.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu, tiêu hủy 01 thắt lưng giả da màu đen; 01 đoạn gỗ có chiều dài 63cm; 01 đoạn gỗ có chiều dài 80cm.

Trả lại cho bị hại Vũ Văn T3 01 điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE 5; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu PHILIPS, bên trong có gắn 01 sim Viettel; 50.000 đồng tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Trả lại cho bị hại Lý Thị T2 01 điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA, bên trong có gắn 01 sim Viettel và 30.000 đồng tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn G1, bà Nguyễn Kim Tuyền phát biểu quan điểm bào chữa: Nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự. Xử bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Thị Thanh N, bà Nguyễn Thị Nguyệt phát biểu quan điểm bào chữa: Nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự. Xử bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo trình bày: Các bị cáo đều nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không có ý kiến tham gia tranh luận gì. Các bị cáo Nguyễn Văn G1, Vũ Thị Thanh N nhất trí với luận cứ bào chữa của người bào chữa cho các bị cáo. Lời nói sau cùng các bị cáo đều đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa bị hại T3 và bị hại T2 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm. Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo G1 và bị cáo T2.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### **[1] Về nội dung vụ án:**

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn P, Lê Thị Thủy T, Nguyễn Văn G1, Nguyễn Văn M và Vũ Thị Thanh N đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp nội dung cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương truy tố. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng M1 bằng biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và toàn bộ các tài liệu, chứng cứ khác đã T2 thập trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 22 giờ ngày 25/6/2022 đến 07 giờ ngày 26/6/2022 tại thôn B, xã S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang và tại thôn T4, xã H4, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc; thôn C2, xã Q, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc. Nguyễn Văn P; Lê Thị Thủy T; Nguyễn Văn G1 (thời điểm phạm tội G1 được 15 tuổi 01 tháng 04 ngày); Nguyễn Văn M và Vũ Thị Thanh N đã thực hiện hành vi phạm tội, cụ thể như sau:

- Nguyễn Văn P và Lê Thị Thủy T đã có hành vi bắt, giữ Lý Thị T2 và Vũ Văn T3 trái quy định của pháp luật. Sau đó Nguyễn Văn P, Lê Thị Thủy T và Nguyễn Văn G1 còn có hành vi đánh và chiếm đoạt của Vũ Văn T3 50.000 đồng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam; 01 điện thoại di động Iphone 5 trị giá 600.000 đồng; 01 điện thoại đen trắng nhãn hiệu PHILIPS trị giá 50.000 đồng; 02 sim Viettel giá trị 100.000 đồng.

- Nguyễn Văn M, đã có hành vi bắt, giữ Lý Thị T2 và Vũ Văn T3. trái quy định của pháp luật.

- Vũ Thị Thanh N, đã có hành vi túm tóc bắt Lý Thị T2 trái quy định của pháp luật.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn P và Lê Thị Thủy T đã phạm vào tội Bắt, giữ người trái pháp luật, quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 157 Bộ luật hình sự và tội Cướp tài sản, quy định tại khoản 1, Điều 168 Bộ luật hình sự; Nguyễn Văn G1 đã phạm vào tội Cướp tài sản, quy định tại khoản 1, Điều 168 Bộ luật hình sự; Nguyễn Văn M đã phạm vào tội Bắt, giữ người trái pháp luật, quy định điểm đ, khoản 2, Điều 157 Bộ luật hình sự; Vũ Thị Thanh N đã phạm vào tội Bắt người trái pháp luật, quy định khoản 1, Điều 157 Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến một trong những quyền cơ bản của công dân là tự do về thân thể và đi lại, đồng thời gây tổn thất về tinh thần của người khác được pháp luật bảo vệ; xâm phạm đến

sức khỏe, quyền sở hữu của công dân là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, đồng thời gây mất trật tự trị an tại địa P. Vì vậy cần xử lý các bị cáo với mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi của từng bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt cho gia đình và xã hội. Mức hình phạt như đề nghị của Viện kiểm sát và trợ giúp viên bào chữa cho bị cáo G1 và bị cáo N là phù hợp nên chấp nhận.

## [2] Vai trò của các bị cáo:

Đây là vụ án có đồng phạm nhưng thuộc trường hợp giản đơn, không có tổ chức và bàn bạc thống nhất với nhau từ trước. Để lên một mức án nghiêm khắc và tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo thì cần phải đánh giá vai trò của các bị cáo trong vụ án, cụ thể như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn P: Bị cáo đóng vai trò chính trong vụ án, bị cáo vừa là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội, vừa là người thực hành tích cực. Bị cáo đã trực tiếp có những lời nói đe dọa các bị hại, bị cáo dùng thắt lưng giả da vụt đánh vào cơ thể của bị hại T2 và dùng chân tay đánh vào người, các bộ phận trên cơ thể các bị hại T2, T3; bị cáo đã sử dụng nhà của mình để thực hiện hành vi giữ các bị hại. Sau đó, bị cáo và bị cáo T1 bảo bị cáo G1 lục tìm tài sản của bị hại Vũ Văn T3 nhằm chiếm đoạt tài sản. Bị cáo đã có 01 tiền án về tội Mua bán trái phép chất ma túy, do vậy vai trò của bị cáo P được xác định là cao nhất trong vụ án, cần xử bị cáo mức án cao hơn các bị cáo còn lại.

Bị cáo Lê Thị Thủy T: Bị cáo tham gia với vai trò thực hành tích cực, giúp sức cho bị cáo P. Cụ thể, khi ở nhà bị cáo P, bị cáo có chửi bới và dùng dép đập vào mặt, túm tóc đánh bị hại T2; Tại cầu Yên Dương bị cáo cầm ống kim loại đập vào lưng và vai bị hại Thu; Khi gặp bị hại Tùng, bị cáo cùng các bị cáo khác dùng tay, chân, thắt lưng, gây đánh T2 và T3. Bị cáo và bị cáo P bảo bị cáo G1 lục túi của T3 để chiếm đoạt tài sản. Vì vậy, xác định bị cáo có vai trò thứ hai trong vụ án sau bị cáo P nên cần xử lý bị cáo mức án nghiêm khắc nhưng thấp hơn bị cáo P.

Bị cáo Nguyễn Văn G1 là người thực hành, giúp sức. Bị cáo cùng với bị cáo P, T1 có hành vi đánh và chiếm đoạt tài sản của bị hại T3. Bị cáo là người trực tiếp lục túi của bị hại T3 để tìm tài sản đưa cho bị cáo P. Vai trò của bị cáo chỉ sau bị cáo P và bị cáo T1. Tuy nhiên thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo được 15 tuổi 01 tháng 04 ngày, nên cần áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn M cũng là người thực hành tích cực. Bị cáo có hành động đánh đập bị hại T2, T3 và cùng với các bị cáo khác thực hiện hành vi bắt giữ người trái pháp luật đối với các bị hại.

Bị cáo Vũ Thị Thanh N cũng là người thực hành, tuy nhiên bị cáo có vai trò thấp hơn so với các bị cáo còn lại. Bị cáo tham gia việc đánh đập và là người trực tiếp bắt bị hại T2 khi bị hại T2 bỏ chạy cầu cứu. Sau đó vì có việc cá nhân nên bị cáo đã đi về trước. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội cho bị cáo.

Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm đối với từng hành vi phạm tội của các bị cáo để lên mức án cho phù hợp.

**[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:**

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn P bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Tái phạm” quy định tại đoạn 1, điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo còn lại không có tình tiết tăng nặng.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Vũ Thị Thanh N phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo Vũ Thị Thanh N, Nguyễn Văn G1, Nguyễn Văn M đã bồi thường thiệt hại cho các bị hại; bị cáo Nguyễn Văn G1 có bố để ông Nguyễn Văn Định được tặng thưởng Huy chương chiến sĩ vẻ vang, bố bị cáo có đơn xin cho bị cáo cải tạo tại địa P được UBND xã xác nhận, bị hại Tùng và T2 đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo Nguyễn Văn M có ông nội Nguyễn Văn Vô được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì và có đơn xin cải tạo tại địa P được UBND xã xác nhận; Bị cáo Vũ Thị Thanh N có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cải tạo tại địa P được UBND xã xác nhận và bị hại T2 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho các bị cáo;

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm đối với từng hành vi phạm tội của các bị cáo. HĐXX thấy rằng các bị cáo Nguyễn Văn P, Lê Thị Thủy T có vai trò chính trong vụ án, đồng thời bị cáo P và T1 phạm 02 tội, tội Bắt, giữ người trái pháp luật và tội Cướp tài sản. Bị cáo P có 01 tiền án về tội Mua bán trái phép chất ma túy chưa được xóa án tích. Vì vậy cần có mức án nghiêm khắc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung và đảm bảo tính nghiêm M1 của pháp luật. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo để quyết định hình phạt tương xứng.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội Bắt, giữ người trái pháp luật; bị cáo Nguyễn Văn G1 phạm tội Cướp tài sản, thời điểm bị cáo phạm tội mới được 15 tuổi 01 tháng 04 ngày nên khả năng nhận thức của bị cáo còn hạn chế. Trong vụ án này, bị cáo Hà và G1 đều có vai trò giúp sức, thực hành tích cực. Tuy nhiên, vai trò của các bị cáo sau bị cáo P và T1; các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Xét thấy các bị cáo có khả năng tự cải tạo nên không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù có thời hạn mà cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp.

Đối với bị cáo Vũ Thị Thanh N sinh ngày 07/10/2004, thời điểm phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm không đáng kể trong vụ án nên cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.



Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo Nguyễn Thanh G1, Vũ Thị Thanh N là người dưới 18 tuổi phạm tội; các bị cáo đều không có tài sản gì riêng có giá trị, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

**[4]** Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Qua xem xét, nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình điều tra và truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Khởi tố, điều tra, T2 thập chứng cứ, truy tố đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

**[5]** Về trách nhiệm dân sự:

- Ngày 02/7/2022, bị cáo Vũ Thị Thanh N đã bồi thường cho chị Lý Thị T2 số tiền 3.000.000 đồng. Chị Lý Thị T2 không có yêu cầu, đề nghị gì.

- Ngày 13/7/2022, bà Nguyễn Thị U đại diện cho bị cáo Nguyễn Văn G1 đã bồi thường cho chị Lý Thị T2 số tiền 2.500.000 đồng; bồi thường cho anh Vũ Văn T3 số tiền 2.500.000 đồng. Anh T3 và chị T2 không có yêu cầu, đề nghị gì.

- Ngày 18/7/2022, gia đình bị cáo Nguyễn Văn M đã bồi thường cho chị Lý Thị T2 số tiền 5.000.000 đồng; bồi thường cho anh Vũ Văn T3 số tiền 5.000.000 đồng. Anh T3 và chị T2 không có yêu cầu, đề nghị gì.

- Ngày 22/7/2022, gia đình Trần Hữu Q1 đã bồi thường cho chị Lý Thị T2 số tiền 3.500.000 đồng; bồi thường cho anh Vũ Văn T3 số tiền 3.500.000 đồng. Anh T3 và chị T2 không có yêu cầu, đề nghị gì.

- Các bị cáo còn lại anh T3 và chị T2 cũng không yêu cầu bồi thường. Do vậy HĐXX không xem xét.

**[6]** Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Dương đã tạm giữ: 01 thắt lưng giả da màu đen; 01 đoạn gỗ có chiều dài 63cm; 01 đoạn gỗ có chiều dài 80cm; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE 5 màu vàng trắng; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu PHILIPS, bên trong có gắn 01 sim Viettel; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA, bên trong có gắn 01 sim Viettel; tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam tổng số 80.000 đồng (trong đó 01 tờ mệnh giá 50.000 đồng lấy của T3; 01 tờ mệnh giá 20.000 đồng và 01 tờ mệnh giá 10.000 đồng T2 tự đưa cho P).

HĐXX xét thấy: Đối với 01 thắt lưng giả da màu đen; 01 đoạn gỗ có chiều dài 63cm; 01 đoạn gỗ có chiều dài 80cm. Xác định đây là vật chứng của vụ án, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE 5 màu vàng trắng; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu PHILIPS, bên trong có gắn 01 sim Viettel; 50.000 đồng tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Xét thấy đây là tài sản của bị hại Vũ Văn T3, nên cần trả lại cho chủ sở hữu.

Đối với 01 điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA, bên trong có gắn 01 sim Viettel và 30.000 đồng tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Xét thấy đây là tài sản của bị hại Lý Thị T2, nên cần trả lại cho chủ sở hữu.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo, những người tham gia tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

[8] Các vấn đề khác:

Hành vi của P, T1, Hà, G1, Thảo, M1, N2 và Q1 đánh chị Lý Thị T2 và anh Vũ Văn T3 gây thương tích, nhưng chị T2 và anh T3 có đơn từ chối giám định và có đơn yêu cầu không khởi tố. Cơ quan điều tra đã có Quyết định dẫn giải, nhưng chị T2 và anh T3 không chấp hành. Cơ quan điều tra đã chuyển tài liệu đến Công an huyện Sơn Dương để xử lý hành chính.

Đối với Đỗ Văn N2 khi tham gia cùng P, T1 thực hiện hành vi bắt, giữ người trái pháp luật và cướp tài sản, thời điểm vi phạm N2 được 13 tuổi 11 tháng 23 ngày nên hành vi của N2 không cấu thành tội phạm. Căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 90 Luật xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung theo khoản 6, Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2020) Cơ quan điều tra đã chuyển tài liệu liên quan đến hành vi vi phạm của N2 đề nghị Ủy ban nhân dân xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương ra Quyết định đưa Đỗ Văn N2 vào giáo dục tại xã.

Đối với Trần Hữu Q1 và Nguyễn Quang M1 khi tham gia cùng P và T1 thực hiện hành vi bắt, giữ người trái pháp luật, thời điểm vi phạm Q1 được 14 tuổi 29 ngày; M1 được 14 tuổi 02 tháng, nên hành vi của Q1 và M1 không cấu thành tội phạm.

Đối với hành vi của Vũ Đức T5 điều khiển xe mô tô chở Vũ Thị Thanh N với mục đích đi chơi, sau đó có chở chị T2 ra cầu Yên Dương, nhưng Tuyên không tham gia đánh, bắt giữ chị T2, nên không đủ căn cứ xử lý. Do vậy HĐXX không xem xét.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

**I.** Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn P và Lê Thị Thủy T phạm 02 tội, tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và tội “Cướp tài sản”; Bị cáo Nguyễn Văn G1 phạm tội “Cướp tài sản”; Bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và bị cáo Vũ Thị Thanh N phạm tội “Bắt người trái pháp luật”

**II.** Về áp dụng điều luật và hình phạt:

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 157; khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật hình sự;

1. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn P** 03 (ba) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai tội là 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 27/6/2022.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 157; khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật hình sự;

2. Xử phạt bị cáo **Lê Thị Thủy T** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và 03 (ba) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng

hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai tội là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 01/7/2022.

- Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự;

3. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn G1** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/12/2022.

Giao bị cáo Nguyễn Văn G1 cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 58 Bộ luật hình sự;

4. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn M** 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/12/2022.

Giao bị cáo Nguyễn Văn M cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự;

5. Xử phạt bị cáo **Vũ Thị Thanh N** 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/12/2022.

Giao bị cáo Vũ Thị Thanh N cho Ủy ban nhân dân xã B2, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

*Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

*Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật Thi hành án hình sự.*

**III.** Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu, tiêu hủy 01 thắt lưng giả da màu đen; 01 đoạn gỗ có chiều dài 63cm, một đầu bị cháy giòn, đường kính 09cm, đầu còn lại đường kính 4,5cm; 01 đoạn gỗ có chiều dài 80cm, một đầu bị cháy giòn, đường kính 05cm, đầu còn lại đường kính 4cm.

Trả lại cho bị hại Vũ Văn T3 01 điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE, loại IPHONE 5 màu vàng trắng; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu PHILIPS, số IMEI 1: 869639020407594, số IMEI 2: 8696390204443995, bên trong có gắn 01 sim Viettel trên sim có số 8984 04800 00631 08315 và số tiền 50.000 đồng tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Trả lại cho bị hại Lý Thị T2 01 điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA, số IMEI: 356339/05/862379/6, bên trong có gắn 01 sim Viettel trên sim có số 8984 04800 00503 57208 và số tiền 30.000 đồng tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

*(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Sơn Dương và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương).*

(Số tiền trên đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Dương chuyển vào tài khoản số: 3949.0.1064844.00000 là tài khoản của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Sơn Dương mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Sơn Dương ngày 26/12/2022).

**IV. Về án phí và quyền kháng cáo:** Căn cứ Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Nguyễn Văn P, Lê Thị Thuý T1, Nguyễn Văn G1, Nguyễn Văn M, Vũ Thị Thu N mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Người bị hại; người có QL, NVLQ;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Công an huyện Sơn Dương;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Trại tạm giam CA tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục T.H.A DS huyện Sơn Dương;
- UBND xã Q, huyện Lập Thạch, tỉnh VP;
- UBND xã B2, huyện Lập Thạch, tỉnh VP;
- UBND xã Y, huyện Tam Đảo, tỉnh VP;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Tuấn Linh**